

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HS-ST

Ngày 14/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy***
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Đinh Thị Mỹ – Nghề nghiệp: Cán bộ. Nơi công tác: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Ông Nguyễn Lộc Trang – Nghề nghiệp: Viên chức. Nơi công tác: Trung tâm Văn hoá – Thông tin và thể thao huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- ***Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.***

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Kiểm sát viên.***

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST - HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 11/8/2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn T. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 19 tháng 02 năm 2002 tại: Bắc Sơn – Lạng Sơn;

Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang chấp hành bản án khác tại Trại giam Vĩnh Quang – Bộ Công an, có mặt.

*** Bị hại:**

Anh Nguyễn Phi S, sinh năm 1996

Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

***Người làm chứng:**

1. Bà La Thị Th, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2. Chị Nông Thị T, sinh năm 1992

Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 22/01/2020, vợ chồng anh Nguyễn Phi S, chị Nông Thị T, trú tại xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên đi xe ô tô của gia đình từ thành phố T để về nhà bà La Thị Th, sinh năm 1963, trú tại thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (là mẹ vợ của anh S) chơi. Cùng đi có Phạm Văn T, sinh năm 2002, trú tại thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (là người làm thuê cho anh S). Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì về đến nhà bà Th sau đó cả gia đình chuẩn bị ăn cơm tại phòng bếp, anh S cùng vợ con đi vào phòng ngủ của hai vợ chồng tại nhà bà Th rồi rút số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) trên người ra và cất dưới 01 chiếc gối ở trên đầu giường ngủ. Lúc đó T đi qua cửa phòng ngủ thì nhìn thấy anh S cất tiền vào dưới một chiếc gối (do cửa phòng không đóng), sau đó T đi xuống bếp ăn cơm cùng gia đình. Đến khoảng 23 giờ 00 phút, sau khi ăn cơm xong anh S rủ T đi ra chợ C để phụ giúp bà Th chuẩn bị hàng để sáng ngày hôm sau bán, T đồng ý. Sau khi giúp bà Th nhóm bếp xong, T hỏi mượn điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7 PRIME màu đen, màn hình cảm ứng của anh S để chơi, anh S đồng ý. Sau khi mượn được điện thoại T chơi được một lúc, thấy anh S nằm ngủ tại ghế ở quán nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền anh S để dưới gối trong phòng ngủ ở nhà bà Th, T đi về nhà bà Th lúc này khoảng 23 giờ 40 phút, thấy cửa nhà không khóa, mà chỉ khép và cài thanh chốt phía trong, T dùng tay trái luồn qua ô thông cửa kéo thanh chốt ra, mở cánh cửa theo hướng từ trong ra ngoài rồi đi thẳng đến phòng ngủ của vợ chồng anh S, thấy cửa phòng mở. T đi đến vị trí đầu giường ngủ thấy chị T và con đang ngủ, T dùng tay trái nhắc nhẹ một đầu chiếc gối lên, dùng tay phải luồn vào dưới chiếc gối cầm lấy toàn bộ số tiền cho vào túi quần phía sau bên phải của T, rồi đi ra khỏi nhà bà Th theo lối cũ. Sau khi lấy trộm được tiền T nảy sinh ý định chiếm đoạt luôn chiếc điện thoại đã mượn của anh S, rồi đi bộ theo đường Quốc lộ 3 hướng Hà Nội – Cao Bằng, khi đi đến khu vực cây xăng gần đầu cầu N thuộc thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn thì dừng lại và sử dụng điện thoại của anh S để gọi xe Taxi đến đón về thành phố T, sau khi gọi điện được khoảng 10 phút thì có xe đến đón, khi

ngồi trên xe T lấy số tiền vừa lấy trộm được ra đếm được 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) gồm 11 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng. Khi đến thành phố T, T đã trả tiền xe Taxi hết 1.000.000đ (Một triệu đồng), số tiền còn lại Tiến chi tiêu cá nhân hết. Còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7 PRIME màu đen, màn hình cảm ứng chiếm đoạt của anh S, T sử dụng được vài ngày thì bị hỏng nên đã vứt bỏ.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT-VKS-BT ngày 26/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS;

*** Điều luật có nội dung:**

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a)...

...”

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm khoản 1 Điều 51, Điều 101, 104/BLHS.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Tổng hợp hình phạt tù tại Bản án số 235/2020/HS-ST, ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận với nhau, cụ thể: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng số tiền đã trộm cắp là 5.500.000 đồng. Do đó đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về việc bồi thường thiệt hại.

Về xử lý vật chứng: Không có

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Về xử lý vật chứng bị cáo thi hành theo quy định.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Phi S khẳng định bị cáo T đã lén lút lấy của anh số tiền 5.500.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime và

anh đã thỏa thuận với bị cáo về việc bồi thường, cụ thể: Bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã lấy trộm là 5.500.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường đối với chiếc điện thoại di động.

Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 22/01/2020 tại nhà bà La Thị Th thuộc thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, bị cáo Phạm Văn T đã lén lút lấy trộm số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) ở dưới gối trong phòng ngủ của anh Nguyễn Phi S đem đi chi tiêu cá nhân hết.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy việc truy tố, xét xử bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

Bị cáo Phạm Văn T có nhân thân xấu: Ngày 15/8/2017 bị Công an xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 19/6/2017 bị Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 12/5/2017 bị Công an xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 19/3/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử

phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 28/5/2020 bị Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án số 235/2020/HS-ST ngày 28/5/2020 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã căn cứ khoản 1 Điều 173/BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án này không có kháng cáo, không bị kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật do đó HĐXX sẽ áp dụng Điều 104/BLHS tổng hợp bản án đối với bị cáo.

[4]. Đối với hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã lợi dụng vào lòng tin của anh Nguyễn Phi S rồi chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7 PRIME của anh S để sử dụng cho bản thân có dấu hiệu của tội phạm “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tại Kết luận định giá tài sản số: 11/KL-ĐGTS ngày 01/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận: Tại thời điểm tháng 01/2020, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7 PRIME có trị giá là 2.500.000 đồng. Tại Bản án số 77/2019/HS-ST, ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tuy nhiên tại Bản án trên bị cáo T là người dưới 18 tuổi bị kết án do đó căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự thì bị cáo T được coi là không có án tích. Vì vậy, hành vi chiếm đoạt tài sản của T chưa đủ yếu tố cấu thành của tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển vụ việc trên đến Công an huyện B để xử lý biện pháp khác. Ngày 09/6/2020 Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Văn T số tiền 1.500.000đ về hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Nguyễn Phi S.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48/BLHS, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS.

Tại phiên toà bị cáo và bị hại đã thoả thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại do đó ghi nhận sự thoả thuận của bị hại và bị cáo đã thoả thuận về việc bồi thường, cụ thể: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 5.500.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại.

Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS về hướng dẫn tính lãi xuất.

[6]. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp*: Không có.

[7]. *Hình phạt bổ sung*: Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi do đó căn cứ khoản 6 Điều 91/BLHS không áp dụng đối với bị cáo.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 5 khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 101, Điều 104/BLHS.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại Bản án số 235/2020/HS-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2020.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48/BLHS, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại, cụ thể: Bị cáo Phạm Văn T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Phi S, sinh năm 1996, trú tại: xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên số tiền 5.500.000 đồng.

Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS về hướng dẫn tính lãi xuất.

* *Về xử lý vật chứng*: Không có

* *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Kạn;
- VKSND T. Bắc Kạn;
- VKSND H. B;
- Công an H. B;
- Chi cục THADS H. B;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lý Thị Thúy